

QUAN HỆ CỦA MALACCA VỚI CÁC QUỐC GIA ĐÔNG NAM Á GIAI ĐOẠN 1400-1511

PHẠM VĂN THỦY*

Trong bối cảnh quốc tế và khu vực có nhiều thuận lợi cho hoạt động thương mại, Malacca đã nhanh chóng trở thành nơi thu hút phần lớn thương nhân từ khắp nơi đến Đông Nam Á. Quan hệ thương mại của Malacca với các quốc gia Đông Nam Á được thiết lập trên hai phương diện. Thứ nhất, qua con đường buôn bán trực tiếp và thứ hai là qua con đường cống, tặng. Thương nhân Malacca có thể trực tiếp cho thuyền tới các cảng thị như là những “*Trung tâm vùng*” để nhập hàng về hoặc thông qua việc áp đặt chế độ cống nạp với các tiểu quốc chư hầu. Những mặt hàng mà Malacca nhập về từ thị trường Đông Nam Á gồm nhiều loại: lương thực, thực phẩm hương liệu, gia vị, kim loại, hàng thủ công và nhân công, nô lệ. Ta có thể tìm hiểu quan hệ thương mại của Malacca với Đông Nam Á thông qua quan hệ của Malacca với những vùng cung cấp các sản phẩm này.

a. Quan hệ của Malacca với những vùng sản xuất lương thực

Lương thực có ý nghĩa quan trọng hàng đầu với các “*Quốc gia thương*

ngiệp” ở Đông Nam Á. Cho tới thế kỷ XV-XVI, nhiều cảng thị đã có số dân từ 50.000 đến 100.000 người như Thăng Long, Malacca, Aceh, Banten... nên khối lượng lương thực cần thiết là rất lớn.

Riêng với Malacca, cho tới thế kỷ XVI dân số của quốc gia này khoảng hơn 50.000 người. Bản thân vương quốc cũng như vùng phía nam của bán đảo Mã Lai không trồng được loại cây lương thực nào khác ngoài bột cọ (*sago*). Ngoài một bộ phận cư dân tham gia vào hoạt động thương mại, số còn lại sống chủ yếu bằng nghề đánh cá, làm muối và đóng thuyền. Malacca phải nhập về các loại lương thực từ gạo, khoai, đậu cho tới thịt, rau, đường và cả các đồ gia vị. Nguồn cung cấp lương thực thực phẩm cho Malacca chủ yếu từ những trung tâm trồng trọt lớn như Miến Điện, Xiêm, quần đảo Java, nam Sulawesi, trung tâm Luzon và quần đảo Panang.

Quan hệ của Malacca với vùng hạ Miến Điện được thiết lập từ ngay khi vương quốc Malacca thành lập. Trước thời gian đó, những thương nhân vùng hạ Miến Điện đã chở gạo và các hàng thực phẩm khác tới bán tại những cảng

* Phạm Văn Thủy, Khoa Lịch sử, Trường ĐH KHXH&NV Hà Nội.

phía bắc Sumatra và nam Mã Lai. Con đường vận chuyển của họ chủ yếu xuất phát từ vương quốc Pegu, men theo bờ tây của bán đảo Mã Lai để xuống phía nam. Khi Malacca được thành lập vào đầu 1400, thương nhân của vùng Pegu đã nhanh chóng dự nhập vào hoạt động buôn bán của thương cảng này.

Theo ghi chép, đầu thế kỷ XVI, Pegu đã đưa 40 thuyền buôn gạo lớn (khoảng 12.000 tấn) tới Malacca và các thành thị bắc Sumatra (Pasai, Pedir)⁽¹⁾. Trong số đó Malacca thường chiếm 15 đến 16 thuyền (ước tính khoảng 500 tấn). Những thuyền này chất đầy gạo, rau, mía, thịt khô muối, mít gừng, cam và chanh⁽²⁾. Sau khi tới Malacca, nguồn lương thực, thực phẩm này chủ yếu được bán lẻ tại các chợ cho những người phụ nữ bản địa. *Trên thực tế, Pegu chính là nguồn cung cấp gạo và thực phẩm chính cho Malacca từ phía bắc.*

Một nguồn cung cấp lương thực khác là từ Xiêm. Đế chế Ayuthaya thực chất lớn mạnh được là nhờ vào việc kiểm soát hoạt động buôn bán nông phẩm. Đồng bằng sông Chao Phraya rất phì nhiêu có thể trồng một năm hai vụ. Mặt khác, nó lại gần với trung tâm sản xuất lương thực khác là đồng bằng sông Mekong nên lượng lương thực dư thừa chủ yếu là để xuất tới những cảng thị phía nam của bán đảo Mã Lai, đặc biệt là tới Malacca. Theo ghi chép của Pires vào những năm 1500, mỗi năm Xiêm đã xuất khoảng 30 thuyền chất đầy gạo tới Malacca⁽³⁾. Trong khi những con thuyền buôn lớn trong thời kỳ này có thể chở tới 400-500 metric tấn (1 metric tấn = 1000 kg). Điều này ước tính tổng khối lượng lúa gạo thường xuyên được chở từ Ayuthaya lên tới 10.000 tấn⁽⁴⁾. Ngoài việc nhập gạo, Malacca cũng phải nhập những mặt hàng lương thực khác như rau, thịt, hành, rượu, thốt nốt và

đường... Khi trở về, những thương nhân vịnh Xiêm chở theo hương liệu của Đông Nam Á, vải vóc của Ấn Độ và các mặt hàng lâm thổ sản khác. *Xiêm là nơi chủ yếu cung cấp gạo và các mặt hàng thực phẩm khác cho Malacca từ phía đông*

Vùng Miến Điện và vịnh Xiêm đã cung cấp khối lượng lớn gạo và thực phẩm cho Malacca. Tuy nhiên, nguồn cung cấp gạo chính cho Malacca là từ quần đảo Java. Những con sông ngắn của quần đảo Java đã tạo nên những đồng bằng tuy nhỏ, phân tán nhưng rất ẩm ướt và phì nhiêu, có thể trồng cấy hai vụ trong một năm nên cho một sản lượng lương thực rất lớn. Hơn thế, những thương nhân Java không chỉ nổi tiếng về hoạt động buôn bán hương liệu và gia vị mà còn giỏi về kinh doanh lương thực. Riêng với Malacca, thương nhân Java sau khi chở gạo đến đây để bán thường nhập về những mặt hàng của thị trường Đông Bắc Á và Tây Nam Á như gốm, vải vóc, tơ lụa, kim loại... Theo ghi chép của Pires, trước 1511 mỗi năm Java đưa 50-60 thuyền gạo đến Malacca, ước tính khoảng 15.000 tấn gạo⁽⁵⁾. Ngoài gạo, hầu như các thuyền của Java không chở theo bất cứ mặt hàng thực phẩm nào khác. Có thể do tại Java gạo là sản phẩm chính, hoặc có thể do quãng đường vận chuyển xa không bảo quản được mặt hàng rau, quả, củ, nên họ không thể mang theo. *Java là trung tâm cung cấp gạo chủ yếu cho Malacca từ phía nam.*

Như vậy, trong ba trung tâm cung cấp lương thực chính là Miến Điện, Xiêm và Java thì Java là nơi cung cấp khối lượng gạo lớn nhất.

Ngoài ba trung tâm cung cấp lương thực, thực phẩm nói trên, Malacca cũng phải nhập gạo từ Ấn Độ. Araujo người đã ở Malacca năm 1510, đã cho biết rằng: Malacca trước khi bị Bồ Đào Nha

xâm lược mỗi năm có 45 thuyền gạo từ Miến Điện, 30 thuyền từ Xiêm, 50 - 60 thuyền từ Java và một số lượng lớn thuyền khác từ Cromandal. Mặc dù trọng tải thuyền khác nhau nhưng nhìn chung mỗi thuyền đều chở được 50 tấn. Mỗi năm trung bình Malacca nhập 7.000 tấn gạo, đủ để nuôi sống 50.000 cư dân⁽⁶⁾.

b. Quan hệ của Malacca với những vùng sản xuất hương liệu

Thế kỷ XV-XVI cùng với sự nở rộ của hoạt động thương mại ở Đông Nam Á, các sản phẩm như đinh hương, đậu khấu, tiêu, quế... cũng trở thành mặt hàng chính của các tàu buôn phương Tây và các thuyền buôn Nhật Bản, Trung Quốc.

Trong khi mặt hàng xuất khẩu chủ yếu của các cảng thị phía nam Đông Dương và vịnh Xiêm là quế, trầm hương, tiêu, long não, tô mộc, gỗ thơm... thì những cảng thị ở vùng eo Malacca và phía nam của Đông Nam Á lại là nơi xuất khẩu đinh hương, đậu khấu và hồ tiêu. Những sản phẩm này chủ yếu được trồng ở quần đảo Maluku (đậu khấu), quần đảo Banda (đinh hương) và bắc Sumatra (tiêu). Malacca với tư cách là đầu mối giao thương quan trọng nhất đã là nơi tập trung lớn nhất nguồn hương liệu này. Thương nhân Malacca có thể trực tiếp tới các cảng phía nam để nhập hàng, hoặc thông qua vai trò của thương nhân Java để đem hàng về Malacca.

Đinh hương là loại cây mọc phổ biến trên quần đảo Maluku, quần đảo được người phương Tây gọi là "Đảo hương liệu ở phía đông". Những đảo chính trồng loại cây này là Ternate, Tidore, Jailolo; trong đó Tidore được coi "quê hương" của loại gia vị này. Người Trung Quốc là người đầu tiên biết đến công

dụng của đinh hương. Theo nguồn tư liệu của Trung Quốc thì từ thế kỷ X, Hoa thương đã tới Maluku để mua đinh hương với số lượng hạn chế. Cho tới thế kỷ XIV-XV, thương nhân Hồi giáo và Java mới đem những mặt hàng này tới thị trường phương Tây. Từ thế kỷ XVI, đinh hương mới thực sự là mặt hàng có giá trị thương mại quốc tế.

Chính việc phát hiện muộn công dụng của đinh hương nên việc trồng loại cây này rất hạn chế. Cho tới trước thế kỷ XV, đinh hương chủ yếu vẫn được thu hoạch từ những cây dại mọc trong rừng hay trên những sườn đồi. Antonio Digafeta, người đã tới Tidore nơi vốn được coi là có nhiều đinh hương cũng viết rằng "người Maluku không quan tâm tới đinh hương"⁽⁷⁾. Sang thế kỷ XV, khi đinh hương có giá trên thị trường, cư dân Maluku mới đem cây này trồng phổ biến. Những khu vực trồng đầu tiên là đảo Bacan, Ternate, Tidore, và có lẽ ở Jailolo⁽⁸⁾. Sang thế kỷ XVI, đinh hương đã rất phổ biến ở Ternate, Tidore, Makian, phía tây của Hamahera và ở Bacan, nam Ambon và Seram. Tới thế kỷ XVII thì đinh hương đã được trồng hầu hết khắp quần đảo Maluku⁽⁹⁾.

Một loại gia vị rất có giá trị khác là đậu khấu. Trong khi cây đinh hương chủ yếu được trồng ở quần đảo Maluku thì đậu khấu tới thế kỷ XVII vẫn chỉ được trồng chủ yếu trên quần đảo Banda và phía nam của Seram. Cũng giống như đinh hương, công dụng của đậu khấu được biết đến rất muộn. Chúng được người Ai Cập sử dụng từ đầu thế kỷ X. Sau đó, loại cây này được trồng ở vùng phía đông của Ấn Độ. Có thể thông qua các thương nhân Tây Á, đậu khấu đã lan tới các quần đảo phía nam của Đông Nam Á. Tuy vậy, cho đến thế kỷ XIV nó vẫn là mặt hàng rất hiếm. Và chính người Trung Quốc phải

tới thế kỷ XV mới biết cách sử dụng loại gia vị này. Họ chủ yếu nhập đậu khấu ở quần đảo Maluku thông qua vai trò trung gian của các thương nhân Java.

Trước thế kỷ XVI, các thương nhân thu mua đinh hương trên quần đảo Maluku chủ yếu tới từ Java và Malacca. Họ có thể là người Java, Mã Lai, Ấn Độ, hay Ả-rập. Điều đặc biệt là trước khi đưa tới thị trường phía tây các hàng hoá này đều được tập trung tại cảng thị Malacca và các cảng bắc Sumatra.

Lợi nhuận thu được từ buôn bán hương liệu rất lớn. Tomy Pires nhấn mạnh rằng những hàng hoá bán ở Malacca được 500 *reis* (tiền Bồ Đào Nha) có thể đủ để mua một *bahar* (≈ 270 kg) đinh hương ở Maluku, khi trở lại Malacca có thể bán được từ 9 đến 12 *Cruzados* (tiền châu Âu $\approx 0,0255$ kg bạc), lợi nhuận tăng 7 đến 10 lần⁽¹¹⁾. Các thương nhân có thể bán trực tiếp loại hàng hoá này cho các lái thương Tây Á, nhưng phần nhiều họ bán buôn cho các thương lái ở Malacca để có thời gian chuẩn bị cho mùa mậu dịch sau. Vì vậy, những mặt hàng này tới được Malacca phải qua rất nhiều trung gian và mỗi lần như thế giá cả lại tăng thêm một bậc. Hệ quả là, khi hàng nếu đưa đến được Malacca giá đã tăng lên gấp 30 lần so với giá ở Maluku và 100 lần so với ở Ấn Độ còn ở Lisbon có khi cao tới 240 lần so với giá gốc⁽¹²⁾.

Quan hệ thương mại của Malacca với quần đảo Maluku và Banda được thiết lập trên lợi ích thương mại trực tiếp. Bản thân hai quần đảo Maluku và Banda đã cung cấp một mặt hàng quan trọng cho thương cảng Malacca. Mặt khác, chính Malacca đã đóng góp một phần quan trọng vào sự phát triển của những khu vực này.

Mặt hàng gia vị rất phổ biến ở Đông Nam Á nữa là hạt tiêu. Tiêu vốn không

phải là sản phẩm của vùng Đông Nam Á. Nó được trồng đầu tiên tại vùng Kerala gần bờ biển Malabar thuộc tây nam Ấn Độ, nơi vẫn được coi là “Đất nước hạt tiêu”. Có thể hạt tiêu đã theo chân những thương nhân Ấn Độ tới Đông Nam Á. Theo nguồn sử liệu của Trung Hoa, vào khoảng thế kỷ XII trên đảo Java đã xuất hiện hạt tiêu. Cho đến khoảng năm 1400, tiêu bắt đầu được trồng ở bắc Sumatra, có lẽ nó được đem tới từ Java và Ấn Độ. Từ Bắc Sumatra, tiêu lan nhanh xuống phía nam và phía đông của Đông Nam Á như Minangkabu, Sulawesi và Borneo. Do thích hợp với điều kiện khí hậu của Đông Nam Á, tiêu nhanh chóng trở thành cây trồng phổ biến khắp khu vực. Chính vì được trồng trên diện tích lớn như vậy nên việc buôn bán hạt tiêu cũng trải rộng ở nhiều thương cảng khác nhau. Malacca chỉ là một trong những thương cảng lớn vận chuyển mặt hàng này

Khi hạt tiêu trở thành mặt hàng có giá trị thương mại cao ở Đông Nam Á thì cũng là lúc vị thế của thương cảng Malacca được khẳng định. Chúng ta hiện không có số liệu cụ thể về số lượng tiêu đã được nhập về Malacca, nhưng chắc chắn rằng hạt tiêu là một trong những mặt hàng chính trong thương mại của thương cảng này.

c. Những mặt hàng thương mại khác

Ngoài lương thực, hương liệu, gia vị là những mặt hàng quan trọng nhất, Malacca còn là nơi tập trung nhiều loại mặt hàng khác như kim loại, nông lâm sản, tơ lụa, gốm sứ và nô lệ... Với các sản phẩm kim loại như bạc, vàng, sắt, đồng, thiếc, chì, nikel vốn sẵn ở một số vùng thuộc Đông Nam Á. Những kim loại quý như bạc và vàng được khai thác

chủ yếu ở Việt Nam, Miến Điện, Sumatra, nam Mã Lai và tây Borneo. Đó vừa là những vật trung gian trong trao đổi hàng hoá vừa là hàng hoá. Khi người Bồ Đào Nha chiếm Malacca họ đã biết rằng hàng năm có từ 9 đến 10 *bahar* vàng được nhập vào Malacca được đem đến một phần từ Minangkabau và một phần từ Pahang ở phía đông của Mã Lai⁽¹³⁾. Riêng về bạc, do số lượng khai thác được ở Đông Nam Á có hạn nên chủ yếu chúng được nhập vào Malacca dưới dạng tiền bạc và là trung gian trao đổi.

Những kim loại khác như thiếc, chì, đồng, sắt trực tiếp trở thành những mặt hàng trong trao đổi. Những nơi khai thác sắt là Sumatra, Sulawesi, thung lũng sông Chao Phraya, hạ lưu sông Mekong đồng có nhiều ở hạ lưu sông Mekong, bắc Việt Nam, Sumatra. Thiếc có nhiều ở phía tây và nam Mã Lai. Tại Malacca thiếc là một trong những sản phẩm xuất khẩu vào thế kỷ XV (chủ yếu là đưa sang Ấn Độ). Chúng không chỉ được khai thác trong vương quốc mà còn được đưa tới từ các tiểu quốc chư hầu ở bắc eo Malacca như Perak, Salangor⁽¹⁴⁾. Tiền sử dụng trong vương quốc cũng bằng những thanh thiếc nhỏ⁽¹⁵⁾. Một số lượng lớn chì cũng được đưa tới từ Xiêm và thương nhân Java cũng thường mang theo đồng đến trao đổi ở Malacca.

Những kim loại trên được đưa tới Malacca bằng nhiều cách khác nhau, có thể qua cống nạp hoặc qua mua bán. Tuy nhiên, số lượng những mặt hàng này còn hạn chế. Bản thân Malacca cũng phải nhập một số lượng lớn “đồng, sắt.. những chậu, vại lớn bằng đồng và số lượng lớn những thứ như ấm sắt, bát, chậu”⁽¹⁶⁾ từ Trung Quốc.

Mặt hàng gốm sứ và tơ lụa chủ yếu được nhập từ Đại Việt và Xiêm. Với chính sách hạn chế ngoại thương của

nhà Minh, gốm và tơ lụa của Đại Việt và Xiêm có điều kiện phát triển và trở thành những mặt hàng có giá trị thương mại cao trên thế giới. Thương nhân Malacca chắc hẳn đã có quan hệ với Đại Việt và Xiêm để nhập những mặt hàng này.

Tuy chúng ta không có nhiều tư liệu về các hoạt động buôn bán hàng kim loại, gốm sứ và tơ lụa của Malacca với các quốc gia Đông Nam Á, nhưng với những nguồn dữ liệu hiện có cũng có thể khẳng định rằng tất cả các trung tâm hàng hoá lớn ở Đông Nam Á đều có quan hệ với Malacca. Các khu vực khai thác kim loại lớn, nơi sản xuất đồ gốm và tơ lụa đều ít nhiều có quan hệ với Malacca. *Điều cần nhấn mạnh ở đây là những mặt hàng này trong những thế kỷ tiếp theo trở thành những sản phẩm buôn bán chính ở Malacca. Thế kỷ XV và đầu XVI có thể coi là bước chuẩn bị cho những mối quan hệ trong các thế kỷ sau.*

Kết luận

Malacca là một trong những “Quốc gia thương nghiệp” tiêu biểu của Đông Nam Á vào thời kỳ “tiền thực dân”. Nó được hình thành, phát triển không phải dựa trên một nền tảng kinh tế-xã hội có sẵn mà chủ yếu được tích hợp từ nhiều yếu tố “ngoại sinh”. Đây là điểm tương đồng của Malacca với hầu hết các “Đế chế thương mại” khác ở Đông Nam Á như Phù Nam, Srivijaya, Majapahit và Batavia. Sự tồn tại, phát triển và suy tàn của nó có quan hệ mật thiết với hoạt động thương mại của khu vực và quốc tế.

Các quốc gia Đông Nam Á cũng chủ động trong quan hệ với Malacca. Thương nhân trong khu vực đã tham gia tích cực vào các hoạt động thương mại và giao lưu văn hoá. Bằng chứng là

việc những thương nhân Pegu vẫn thường xuyên chở gạo tới bán ở Malacca. Thương cảng này cũng là nơi mà Java, Champa, Đại Việt... thường cử thuyền buôn qua lại.

Hoạt động thương mại của Malacca với các quốc gia Đông Nam Á thể hiện rất rõ mối quan hệ giữa hai hệ thống gồm các “Quốc gia nông nghiệp” và “Quốc gia thương nghiệp”. Trong mối quan hệ đó, Malacca, Majapahit tiêu biểu cho mô hình “Quốc gia thương nghiệp”, còn Đại Việt, Ayuthaya, Pegu, Maluku... là thuộc loại hình “Quốc gia nông nghiệp”. Do vậy, ở Đông Nam Á luôn tồn tại mối quan hệ đa chiều mà ở đó một quốc gia vừa thiết lập quan hệ với các quốc gia trong cùng hệ thống vừa liên hệ với các thực thể bên ngoài hệ thống. Cơ sở cho mối quan hệ đó chính là nhằm phát huy lợi thế vốn có của mỗi quốc gia.

CHÚ THÍCH

1. SPAFA Final Report: Consulative Workshop on Research on Maritime Shipping and Trade Network in Southeast Asia, Bangkok. 1984, p. 250.
2. Hall. D.G.A: Lịch sử Đông Nam Á, Nxb chính trị quốc gia, H.1997, tr. 49.
3. Anthony Reid: Southeast Asia in the Age of Commerce 1460-1680, Vol.I “the lands below the winds”, Yale University Press, London 1988, p.21.
4. SPAFA Final Report: Consulative Workshop on Research on Maritime Shipping and Trade Netork in Southeast Asia, Bangkok. 1984. p. 250.
5. Anthony Reid: Southeast Asia in the Age of Commerce 1460-1680, Vol.I “the lands below the winds”, Yale University Press, London 1988, p. 23.
6. Anthony Reid: Southeast Asia in the Age of Commerce 1460-1680, Vol.II “Expansion and Crisis”, Yale University Press, London 1993, p. 77.
7. Anthony Reid: Southeast Asia in the Age of Commerce 1460-1680, Vol.I “the lands below the winds”, Yale University Press, London 1988, p. I.
8. J.Kathirithamby - Well, John Villiers: The Southeast Asia Port and Polity. Rise and Demise, Singapore University Press, 1980, p. 94.
9. Pires, Tomé. The Sume Oriental of Tomé Pires. Trans. A. Cortesao, Col I, II, London, Hakluyt Society. 1944, p.214-219.
10. J.Kathirithamby - Well, John Villiers: The Southeast Asia Port and Polity. Rise and Demise, Singapore University Press, 1980, p. 92-93.
11. Pires, Tomé. The Sume Oriental of Tomé Pires. Trans. A. Cortesao, Col I, II, London, Hakluyt Society. 1944, p. 213-214.
12. Anthony Reid: Southeast Asia in the Age of Commerce 1460-1680, Vol.I “the lands below the winds”, Yale University Press, London 1988, p.94.
13. Anthony Reid: Southeast Asia in the Age of Commerce 1460-1680, Vol.I “the lands below the winds”, Yale University Press, London 1988, p.98.
14. SPAFA Final Report: Consulative Workshop on Research on Maritime Shipping and Trade Network in Southeast Asia, Bangkok. 1984, p. 258.
15. Anthony Reid: Southeast Asia in the Age of Commerce 1460-1680, Vol.I “the lands below the winds”, Yale University Press, London 1988, p.115.
16. SPAFA Final Report: Consulative Workshop on Research on Maritime Shipping and Trade Network in Southeast Asia, Bangkok. 1984, p. 257.